

20 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VIỆN DÂN SỐ VÀ CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI, TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

NGUYỄN ĐÌNH CỬ*

Viện Dân số và các vấn đề xã hội, tiền thân là Trung tâm Dân số, thuộc Trường Đại học Kinh tế quốc dân, thành lập ngày 22 tháng 01 năm 1992 theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Viện có tư cách pháp nhân hạn chế, có con dấu và tài khoản riêng.

Thực hiện chức năng của mình, 20 năm qua, Viện đã thực hiện 76 khoá bồi dưỡng kiến thức và nghiệp vụ DS-KHHGD cho 5.367 lượt cán bộ ngành DS-KHHGD từ cấp trung ương đến cấp quận/huyện. Ngoài ra, Viện còn thực hiện 12 khoá bồi dưỡng về “Dân số và Phát triển”, “Phương pháp nghiên cứu Dân số và phát triển”, “Lồng ghép biến dân số vào kế hoạch hóa phát triển” cho 550 cán bộ của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế, Tổng cục Thống kê và giảng viên của nhiều trường đại học. Viện tham gia các Chương trình đào tạo Cử nhân, Thạc sỹ và Tiến sỹ trong trường đại học KTQD và một số trường đại học khác.

Bên cạnh bồi dưỡng cán bộ, Viện nghiên cứu hàng chục đề tài góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, quản lý, xây dựng và hoàn thiện một số văn bản pháp luật, chính sách, chương trình, dự án trong lĩnh vực dân số và các vấn đề xã hội.

Viện có quan hệ chặt chẽ với các cơ sở nghiên cứu, đào tạo về Dân số ở trong và ngoài nước. Trong quá trình phát triển, Viện nhận được sự giúp đỡ to lớn và hiệu quả của Trường Đại học KTQD, Ủy ban DS-KHHGD trước đây và Tổng cục DS-KHHGD hiện nay, Quỹ dân số Liên hợp quốc tại Việt Nam (UNFPA), Viện nghiên cứu Phát triển Pháp (IRD), Hội đồng Anh (British Council)...

Hoạt động của Viện đóng góp đáng kể cho việc nâng cao năng lực giảng dạy, nghiên cứu, quản lý DS-KHHGD nước ta, xây dựng và thực hiện thắng lợi chính sách dân số của Đảng và Nhà nước, góp phần nâng cao uy tín của Trường.

Giai đoạn 1992-2003, Viện được hưởng chế độ bao cấp như một khoa trong Trường. Từ năm 2003 đến nay, Viện đã tự chủ trong công việc, tự chủ một phần kinh phí, nhân lực và mua sắm trang thiết bị phục vụ nghiên cứu, giảng dạy. Viện cũng đang được định hướng tới tự chủ hoàn toàn.

1. Từ Trung tâm Dân số đến Viện Dân số và các vấn đề xã hội

Dân số có mối quan hệ hai chiều chặt chẽ với Kinh tế nói riêng và sự phát triển nói chung. Chính vì vậy, ngay từ những thập niên 60, Trường đại học Kinh tế kế hoạch nay là Đại học Kinh tế quốc dân đã giảng dạy nhiều môn thuộc khoa học dân số như: Thống kê dân số, Mô hình toán dân số và Dự báo dân số.

* GS.TS, Viện trưởng Viện Dân số và các vấn đề xã hội, Đại học Kinh tế quốc dân.

Vào cuối thập niên 80 của thế kỷ trước, quy mô dân số nước ta lớn, mật độ dân số cao nhưng vẫn tăng nhanh đặt ra những thách thức gay gắt đối với sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ tài nguyên, môi trường. Năm 1993, Ủy ban DS-KHHGD được thành lập từ cấp Trung ương đến cấp huyện. Trong bối cảnh nước ta chưa có cơ sở nào đào tạo về lĩnh vực DS-KHHGD, cán bộ thuộc hệ thống Ủy ban DS-KHHGD các cấp đều được điều chuyển từ các ngành y tế, kinh tế, thống kê, kỹ thuật, giáo dục.... Vì vậy, nhu cầu bồi dưỡng cán bộ, thực chất là đào tạo ngắn hạn cũng như việc nghiên cứu phục vụ xây dựng chính sách thuộc lĩnh vực DS-KHHGD rất to lớn và cấp bách. Đáp ứng nhu cầu xã hội, căn cứ vào khả năng của trường, ngày 22 tháng 1 năm 1992, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ký quyết định số 140/TCCB về việc thành lập Trung tâm Dân số (tiền thân của Viện Dân số và các vấn đề xã hội) thuộc Đại học Kinh tế quốc dân. Giai đoạn 1992-2005, vừa xây dựng, vừa trưởng thành, Trung tâm Dân số ngày càng nâng cao năng lực đội ngũ, phát triển cơ sở vật chất và mở rộng quan hệ hợp tác trong và ngoài nước, đã trở thành đơn vị có uy tín về đào tạo và nghiên cứu khoa học Dân số tại Việt Nam. Chính vì vậy, nhiều cơ quan trong nước đã mời Trung tâm nghiên cứu những vấn đề xã hội nóng bỏng của đất nước, như Ban Nội chính Trung ương mời tham gia Dự án “Nghiên cứu đấu tranh phòng chống tham nhũng” (2004- 2005) do SIDA tài trợ, Tạp chí Cộng sản mời nghiên cứu “Đánh giá 5 năm thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở” (2003-2004) và “Lồng ghép Quy chế dân chủ cơ sở vào Chương trình xóa đói, giảm nghèo” (2005), Hội chữ thập đỏ Cộng hòa Pháp mời nghiên cứu “Đánh giá chiến dịch tuyên truyền về đội mũ bảo hiểm” (2004)... Mặt khác, đất nước sau cuộc chiến tranh lâu dài và nền kinh tế chuyển đổi, vận hành theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bên cạnh những thành tựu về nhiều mặt cũng nảy sinh nhiều vấn đề xã hội, như an sinh xã hội, gia đình thiếu ổn định, trẻ em hư, thất nghiệp, đói nghèo, tai nạn giao thông... Nhiều tệ nạn, tội phạm xã hội có chiều hướng gia tăng như bạo lực, mại dâm, tham nhũng, nghiện ngập (thuốc lá, rượu, ma túy). Đó là những thách thức đe dọa sự phát triển bền vững của đất nước. Do đó, ngày 28 tháng 11 năm 2005, Hiệu trưởng Trường đại học Kinh tế quốc dân ban hành Quyết định 3687/QĐ-TCCB thành lập Viện Dân số và các vấn đề xã hội trên cơ sở bộ máy của Trung tâm Dân số. Từ đó, phạm vi nghiên cứu, bồi dưỡng của Viện không ngừng được mở rộng và nâng cao chất lượng.

2. Khai phá lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng mới

Trung tâm Dân số, sau này là Viện Dân số và các vấn đề xã hội là cơ sở đầu tiên của cả nước mở các khoá đào tạo kiến thức cơ bản về DS-KHHGD, Dân số-Phát triển và nghiệp vụ quản lý trong lĩnh vực này. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng của Viện 20 năm qua ngày càng đa dạng về Chương trình, đối tượng học viên và hình thức tổ chức, thể hiện cụ thể như sau:

2.1. Chương trình bồi dưỡng kiến thức và nghiệp vụ quản lý cơ bản về DS-KHHGD; Dân số, gia đình và trẻ em

Đây là Chương trình bồi dưỡng chủ yếu của Viện. Những khóa học của Chương trình này kéo dài từ 1 đến 3 tháng. Đến nay, Viện đã thực hiện 64 khóa học cho 4.485 cán bộ quản lý DS-KHHGD và quản lý Dân số, Gia đình, Trẻ em và từ cấp huyện đến cấp

Trung ương. Tùy từng khóa, Chương trình được thiết kế thích hợp từ những môn học và hoạt động, bao gồm: (1) Dân số học; (2) Dân số và phát triển; (3) Những kiến thức cơ bản về trẻ em, gia đình; (4) Phương pháp Xã hội học trong nghiên cứu dân số; (5) Thống kê dân số; (6) Lý thuyết quản lý; (7) Quản lý nhà nước về DS-KHHGĐ; (8) Quản lý truyền thông DS-KHHGĐ; (9) Quản lý dịch vụ DS-KHHGĐ; (10) Các chuyên đề; (11) Đi thực tế ở các địa phương; (12) Viết khóa luận; (13) Bảo vệ khóa luận và tổng kết.

Hệ thống Giáo trình, Tài liệu phục vụ tất cả các môn học, chuyên đề nói trên đều đã được biên soạn, cải tiến nhiều lần và được các Trường đại học, các cơ sở đào tạo, các lớp tập huấn của ngành DS-KHHGĐ trong cả nước sử dụng, tham khảo.

2.2. Chương trình nâng cao

Ngoài chương trình cơ bản, Viện đã tổ chức 11 khóa bồi dưỡng nâng cao về DS-KHHGĐ cho 482 cán bộ đã học qua Chương trình cơ bản. Các khóa học này kéo dài 01 tháng. Học viên được nghiên cứu 10 chuyên đề, bao gồm:

(1) Xây dựng kế hoạch, chương trình, dự án về DS-KHHGĐ theo phương pháp khung logic, (2) Quản lý Chương trình DS-KHHGĐ, (3) Truyền thông thay đổi hành vi về DS, SKSS/KHHGĐ, (4) Chất lượng dân số Việt Nam, (5) Gia đình và Trẻ em, (6) Quản lý dân cư, (7) Hệ thống thông tin, dữ liệu về dân cư, (8) Chăm sóc SKSS, (9) Dịch vụ SKSS/KHHGĐ phi lâm sàng và hệ thống hậu cần KHHGĐ, (10) Lồng ghép hoạt động dân số và hoạt động phát triển.

Chương trình nâng cao, một lần nữa tăng cường năng lực của đội ngũ cán bộ, đặc biệt là cán bộ lãnh đạo các cấp của ngành.

2.3. Chương trình bồi dưỡng kiến thức “Dân số và phát triển” cho cán bộ giảng dạy các Trường đại học và các Viện nghiên cứu

Theo điều tra của Viện, năm 2006, có 30 Trường đại học giảng dạy môn Dân số học, 26 Trường giảng môn “ Dân số và Phát triển”, 14 Trường giảng môn “Dân số và Môi trường”. Tuy nhiên, 90% giảng viên không được đào tạo chuyên ngành dân số. Nhằm nâng cao năng lực và hình thành mạng lưới giảng dạy, nghiên cứu về “Dân số và phát triển”, với sự hỗ trợ của Quỹ Dân số Liên hợp quốc, Viện đã biên soạn hai cuốn Giáo trình “Dân số và phát triển” và “Phương pháp nghiên cứu Dân số và phát triển”, sau đó tổ chức 6 khóa tập huấn về hai Giáo trình nói trên cho 115 lượt giảng viên các trường: Đại học kinh tế quốc dân, Đại học kinh tế Đà Nẵng, Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh, Đại học Cần Thơ, Đại học khoa học xã hội và nhân văn Hà Nội, Đại học Lao động-xã hội, Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Công đoàn,... nghiên cứu viên các Viện Xã hội học, Viện Chiến lược và Chính sách Y tế, ...

2.4. Chương trình bồi dưỡng cho cán bộ kế hoạch của các ngành

Dân số và phát triển có mối quan hệ chặt chẽ. Vì vậy, cần tính đến các mối quan hệ nhân-quả này trong kế hoạch phát triển. Viện đã tổ chức 3 khóa “Lồng ghép biến dân số vào kế hoạch hóa phát triển” cho 180 các cán bộ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và tham gia giảng dạy nhiều khóa tập huấn về chủ đề này do Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức.

2.5. Chương trình bồi dưỡng kiến thức về “Giám sát và Đánh giá chương trình dân số”

Giám sát và Đánh giá là những chức năng cơ bản của quản lý nói chung và quản lý DS-KHHGD nói riêng. Vì vậy, Viện đã tổ chức 10 khóa bồi dưỡng kiến thức này cho 313 cán bộ của ngành DS-KHHGD và giảng viên, nghiên cứu viên các Trường đại học, các Viện nghiên cứu.

2.6. Chương trình bồi dưỡng tiếng Anh, Tin học quản lý cho cán bộ ngành DS-KHHGD

Tiếng Anh, tin học đã trở thành những kiến thức không thể thiếu trong nghiên cứu, quản lý nói chung và nghiên cứu, quản lý dân số nói riêng. Đáp ứng yêu cầu này, Viện tổ chức 5 khóa bồi dưỡng tiếng Anh, Tin học cơ bản cho 78 cán bộ và 8 khóa Tin học quản lý dân số cho 351 cán bộ của ngành.

Ngoài các khóa học do Viện tổ chức, Viện Dân số và các vấn đề xã hội còn tham gia các Chương trình đào tạo Cử nhân, Thạc sỹ và Tiến sỹ do Trường Đại học KTQD tổ chức.

Thành tựu đào tạo, bồi dưỡng của Viện cũng như các Giáo trình mà Viện biên soạn được các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng trong cả nước sử dụng, tham khảo tạo nên sự thống nhất về khái niệm, kiến thức góp phần nâng cao năng lực giảng dạy, nghiên cứu và quản lý trong lĩnh vực Dân số. Qua đó, đóng góp vào thành công rực rỡ của Chương trình DS-KHHGD ở nước ta mà năm 1999 Liên hợp quốc đã trao giải thưởng.

3. Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học

Nghiên cứu khoa học là một trong nhiệm vụ chủ yếu và cũng là thế mạnh của Viện Dân số và các vấn đề xã hội. Trong 20 năm qua, nhiều đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ, ngành đã được Viện thực hiện và hoàn thành xuất sắc. Nghiên cứu khoa học của Viện được triển khai theo các hướng dưới đây.

3.1. Nghiên cứu khoa học phục vụ xây dựng và đánh giá chính sách

Nhận thức rõ vai trò của chính sách, luật pháp đối với sự phát triển xã hội nói chung và dân số nói riêng, Viện tập trung nghiên cứu theo hướng góp phần xây dựng và đánh giá chính sách, chương trình, dự án. Có thể nói đây là hướng nghiên cứu nổi bật của Viện. Dưới đây điểm qua một số kết quả chính theo hướng nghiên cứu này.

Năm 1992 Viện nghiên cứu đề tài cấp Bộ "Chính sách Dân số Việt Nam đến năm 2000". Đề tài được đánh giá xuất sắc và đóng góp vào việc hoạch định Chính sách dân số của Đảng và Nhà nước sau này.

Năm 1997 Viện phối hợp với nhóm chuyên gia Bộ Tư pháp nghiên cứu và xây dựng "Đề cương Luật dân số Việt Nam". Kết quả nghiên cứu này đã giúp Viện tham gia tích cực trong quá trình soạn thảo “Pháp lệnh Dân số” do Ủy ban quốc gia DS-KHHGD chủ trì. Pháp lệnh được Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành vào năm 2003.

Năm 2005, Viện tham gia Dự án “Nghiên cứu đấu tranh chống tham nhũng” do Ban Nội chính Trung ương Đảng chủ trì. Báo cáo kết quả khảo sát nghiên cứu về “Thực trạng,

nguyên nhân, hậu quả và giải pháp phòng chống tham nhũng ở Việt Nam” phục vụ đắc lực cho việc xây dựng “Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí”.

Năm 2008, Viện được Ban chủ nhiệm đề tài cấp nhà nước “Nghiên cứu xác định tính chất của thời đại”, thuộc Chương trình nghiên cứu KX 04/06-10 giao nhiệm vụ điều tra khảo sát nghiên cứu ý kiến của các nhà khoa học trong cả nước về vấn đề này. Đây là đề tài quan trọng có mục tiêu phục vụ xây dựng Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XI và hoàn thiện Cương lĩnh của Đảng.

Viện có nhiều công trình phục vụ quá trình xây dựng Chiến lược Dân số và sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011-2020. Các cuốn sách “Những xu hướng biến đổi dân số ở Việt Nam” (2007) và “Dân số và phát triển ở Việt Nam, hướng tới Chiến lược mới, 2011-2020” (2009) mà Viện biên soạn và tham gia biên soạn đã được dùng làm tài liệu tham khảo cho các hội nghị tư vấn xây dựng Chiến lược này. Đặc biệt, Viện đã thực hiện xuất sắc đề tài “Đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam, 2001-2010”, tạo cơ sở cho việc xây dựng Chiến lược DS-SKSS mới. Ngoài ra, cán bộ của Viện cũng tham gia trực tiếp xây dựng Chiến lược này. Chiến lược đã được Thủ tướng phê duyệt.

3.2. Nghiên cứu phục vụ nhu cầu quản lý cấp vi mô

Cùng với những nghiên cứu phục vụ xây dựng và đánh giá chính sách, Viện cũng triển khai nhiều đề tài nghiên cứu phục vụ nhu cầu quản lý cấp vi mô. Có thể nói Viện Dân số đã đi đầu theo hướng nghiên cứu *Marketing xã hội*, thông qua việc nghiên cứu Marketing xã hội về các phương tiện tránh thai.

Từ năm 1994, Viện chủ trì nghiên cứu hàng loạt đề tài về thị trường phương tiện tránh thai ở Việt Nam: (1) Nghiên cứu thị trường bán lẻ BCS ở Việt Nam (1994); (2) Đánh giá kết quả Dự án tiếp thị xã hội (TTXH) BCS ở Hải phòng, Huế, Bình Dương (1996); (3) Đánh giá TTXH viên uống tránh thai (1998); (4) Đánh giá khả năng TTXH BCS ở Việt Nam (2001); (5) Đánh giá kết quả Dự án TTXH viên uống tránh thai Newchoice (2002); (6) Đánh giá kết quả Dự án TTXH BCS do Nhật bản viện trợ (2002); (7) Đánh giá Dự án TTXH BCS (2003), (8) Đánh giá việc thực hiện chiến lược tiếp thị xã hội các phương tiện tránh thai và phòng chống HIV/AIDS giai đoạn 2002-2005 (2005)... Từ những nghiên cứu này, chuyên đề “Tiếp thị xã hội phương tiện tránh thai” đã xây dựng để giảng dạy cho các khoá đào tạo ngắn hạn tại Viện và thường được mời tư vấn cho các dự án thuộc loại này. Viện cũng nghiên cứu nhiều đề tài thuộc các lĩnh vực xã hội, như: “Đánh giá 5 năm thực hiện qui chế dân chủ ở cơ sở” (2003); “Lồng ghép việc thực hiện Qui chế dân chủ vào Chương trình xoá đói giảm nghèo” (2005)...

3.3. Nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu phục vụ giảng dạy

Nghiên cứu cơ bản của Viện đã xoay quanh 3 chủ đề nổi bật: (1) *Về sinh sản*, Viện thực hiện các đề tài, như: “Mối quan hệ giữa mức sinh và mức sống” (1992); “Động lực sinh nhiều con ở miền núi phía Bắc” (1999); “Đặc điểm cơ bản của dân số nước ta” (2000); (2) *Về di dân*, các đề tài nổi bật là: “Di dân nông thôn-đô thị hoá với quá trình

CNH-HĐH” (2005), “Di dân nội thị tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh” (2002); “Di dân, nghèo đói và môi trường đô thị tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh” (2007-2010); “Toàn cầu hóa, di dân và HIV/AIDS: Trường hợp Hải Phòng” (2011-2012); (3) *Về sức khỏe sinh sản* có các đề tài “Đánh giá ban đầu về Sức khỏe sinh sản vị thành niên Việt Nam” (2004); “Đánh giá cuối kỳ về Sức khỏe sinh sản vị thành niên Việt Nam” (2006); “Hỗ trợ tâm lý xã hội cho bệnh nhân AIDS đang điều trị tại bệnh viện Việt Tiệp Hải phòng” (2006); Tình hình và nhu cầu của trẻ em chịu ảnh hưởng của HIV/AIDS tại thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh (2008); “Gia đình Việt Nam đối mặt với HIV/AIDS: Phòng tránh lây nhiễm và chăm sóc cho người nhiễm ở khu vực nông thôn và thành thị tỉnh Quảng Ninh (2007-2010)”.

Các đề tài trực tiếp phục vụ đào tạo, như “Đánh giá nhu cầu đào tạo cán bộ dân số” (2000); “Xác định nhu cầu giảng dạy môn Dân số và Phát triển” (2006); “Điều tra thực trạng giảng dạy SKSS và nhu cầu hỗ trợ nhằm cải thiện chất lượng giảng dạy nội dung này tại 3 trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Huế và thành phố Hồ Chí Minh” (2007), “Đánh giá nhu cầu của sinh viên Sư phạm đối với giáo dục SKSS và phòng chống HIV/AIDS” (2009). Các công trình nghiên cứu khoa học nói chung và các công trình nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu trực tiếp phục vụ giảng dạy góp phần cải tiến giáo trình, nâng cao chất lượng giảng dạy.

Ngoài ra Viện còn tham gia nghiên cứu nhiều đề tài về các lĩnh vực có liên quan do nhà trường và các cơ quan ngoài trường chủ trì.

3.4. Các hoạt động khoa học khác

Từ những kết quả nghiên cứu và giảng dạy, Viện Dân số và các vấn đề xã hội đã đẩy mạnh việc biên soạn giáo trình, sách chuyên khảo, tham khảo. Đến nay, 35 cuốn Giáo trình, sách chuyên khảo, tham khảo do các thành viên của Viện biên soạn, chủ biên và tham gia viết đã được xuất bản.

Viện cũng tổ chức hàng chục Hội thảo khoa học mang tính quốc gia, quốc tế về các chủ đề Dân số-KHHGĐ, Dân số và Phát triển. Gần đây nhất là các Hội thảo “Những vấn đề Dân số và Phát triển đặt ra sau Tổng điều tra Dân số năm 2009” được tổ chức tại Đồ Sơn (Hải Phòng) và Đại học Cần Thơ (12/2010) và Hội thảo “Dân số, sức khỏe cộng đồng và phát triển ở Việt Nam sau 25 năm Đổi mới”, tổ chức ngày 10/10/2011 có sự tham gia đông đảo của các nhà khoa học Việt Nam và các chuyên gia Pháp. Ngoài ra, cán bộ của Viện cũng thường tham gia tích cực các Hội thảo chuyên môn ở trong và ngoài nước.

4. Phát triển quan hệ đối ngoại và xây dựng cơ sở vật chất

Phát triển quan hệ đối ngoại: Hiện nay, Viện có quan hệ chặt chẽ với tất cả các cơ sở nghiên cứu, đào tạo về khoa học dân số trong cả nước. Đặc biệt, Viện nhận được sự hỗ trợ to lớn và hiệu quả của Quỹ dân số Liên Hợp quốc tại Việt Nam (UNFPA), Viện nghiên cứu Phát triển (IRD-Pháp), Hội đồng Anh (British Council),... trong việc nâng cao năng lực và đào tạo nguồn nhân lực cho Viện trong 20 năm qua. Viện cũng có quan hệ hợp tác khoa học với các tổ chức và đối tác nước ngoài khác, như Viện dân số Sir David Owen - Đại học Tổng hợp Cardif (Vương quốc Anh); Trung tâm nghiên cứu Kinh tế và xã hội

thuộc IRD và Đại học Tổng hợp Paris 1 Sorborn Pantheon (Cộng hoà Pháp); Trung tâm Dân số và Phát triển thuộc Đại học Tổng hợp Paris 5 - Decart (Cộng hoà Pháp); Trung tâm nghiên cứu Dân số và xã hội thuộc Đại học Tổng hợp Paris 10 Nanterre (Cộng hoà Pháp); Phòng nghiên cứu Dân số-xã hội và Môi trường thuộc Đại học Tổng hợp Marseille (Cộng hoà Pháp); Trung tâm nghiên cứu và phân tích kinh tế thuộc Đại học Tổng hợp Rouen (Cộng hoà Pháp); Viện dân số (Đại học Tổng hợp Indonesia); Viện Dân số (Đại học Tổng hợp Philippin)...

Về cơ sở vật chất: Viện có tòa nhà làm việc 2 tầng khá khang trang, một ký túc xá 4 tầng (với hơn 100 chỗ nghỉ) được xây dựng từ ngân sách của Nhà nước. Tòa nhà làm việc bao gồm phòng máy tính; phòng hội thảo (70 chỗ ngồi), thư viện, phòng họp, phòng hành chính và các phòng học và phòng làm việc khác. Các trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy, nghiên cứu, học tập và làm việc của Viện được trang bị đầy đủ, hiện đại như máy vi tính, máy in, máy chiếu, multimedia, vô tuyến, video...

Kết quả nghiên cứu và đào tạo của Viện Dân số và các vấn đề xã hội 20 năm qua đã góp phần đắc lực vào quá trình phát triển giảng dạy và nghiên cứu khoa học Dân số - một lĩnh vực còn non trẻ ở nước ta, đóng góp xứng đáng vào thành tích xuất sắc của ngành DS-KHHGD. Đồng thời, chính qua công việc, đội ngũ cán bộ của Viện cũng đã trưởng thành, nhiều người đã trở thành GS, PGS, TS, xứng đáng là những chuyên gia nghiên cứu và đào tạo trong lĩnh vực DS-KHHGD của đất nước. Thế hệ nghiên cứu viên trẻ của Viện cũng tiếp nối thế hệ đi trước tràn đầy nhiệt tình học tập và nghiên cứu, hầu hết đã có học vị Thạc sỹ và có thể chủ trì đề tài nghiên cứu.

Chặng đường 20 năm thấm đẫm mồ hôi và kết tinh trí tuệ trong nhiều trang sách, công trình, không chỉ của riêng tập thể Viện Dân số và các vấn đề xã hội mà còn của hàng trăm chuyên gia trong và ngoài Trường Đại học KTQD đã qua, một thời kỳ mới như mùa Xuân 2012 đang tới. Viện Dân số và các vấn đề xã hội sẽ nghiên cứu khoa học, giảng dạy với nội dung không chỉ bó hẹp trong phạm vi DS-KHHGD, Dân số và phát triển mà còn mở rộng ra nhiều vấn đề xã hội đa dạng, phong phú nhưng cũng không kém phần phức tạp, khó khăn. Với kinh nghiệm 20 năm xây dựng, phát triển và trưởng thành, với sự ủng hộ, giúp đỡ của Đảng uỷ, Ban giám hiệu, sự hợp tác của các cơ quan, đơn vị trong và ngoài Trường, với sự nỗ lực làm việc của cán bộ, nhân viên trong Viện theo nguyên tắc: Chất lượng và chất lượng cao hơn nữa, Viện Dân số và các vấn đề xã hội nhất định sẽ thực hiện xuất sắc chức năng, nhiệm vụ lớn lao mà Ban giám hiệu nhà trường đã giao cho và xã hội mong đợi.